

Số: 147 /TB-DVC

Hóc Môn, ngày 21 tháng 9 năm 2026

## THÔNG BÁO

**Về việc mời tổ chức hành nghề đấu giá cho tổ chức, cá nhân quyền khai thác tài sản công của Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Hóc Môn**

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 của Quốc hội và Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Luật giá số 16/2023/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội;

Căn cứ Văn bản hợp nhất số 97/VBHN-VPQH ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Văn phòng Quốc hội về Quản lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 02/2026/QĐ-CTUBND ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3774/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hóc Môn về thành lập Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3789/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã Hóc Môn về việc bổ nhiệm Giám đốc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1829/QĐ-UBND-KT ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hóc Môn về việc phê duyệt hồ sơ khai thác tài sản công của Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã;

Căn cứ Quyết định số 3613/QĐ-UBND-KT ngày 21 tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hóc Môn về việc phê duyệt hồ sơ khai thác tài sản công của Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã.

Căn cứ Quyết định số 38/QĐ-DVC ngày 27 tháng 5 năm 2026 về việc thành lập Hội đồng xác định giá khởi điểm và thẩm định lựa chọn đơn vị thẩm định giá, đấu giá cho tổ chức, cá nhân quyền khai thác tài sản công theo danh mục tài sản khai thác đính kèm Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của Ủy ban nhân dân xã Hóc Môn;

Căn cứ Thông báo số 136/DVC ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Hóc Môn về việc mời các Doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ thẩm định giá trong năm 2026;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 025/2026/129A/CT-EXIMVAS ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Công ty Cổ phần Giám định và Thẩm định EXIMVAS (đính kèm Chứng thư thẩm định giá);

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 025/2026/201/CT-EXIMVAS ngày 16 tháng 9 năm 2026 của Công ty Cổ phần Giám định và Thẩm định EXIMVAS (đính kèm Chứng thư thẩm định giá);

Căn cứ Quyết định số 88/QĐ-DVC ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Hóc Môn về việc phê duyệt giá khởi điểm để tổ chức đấu giá cho tổ chức, cá nhân quyền khai thác tài sản công của Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Hóc Môn.

Nay, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Hóc Môn thông báo đến các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và có nhu cầu tham gia, vui lòng nộp hồ sơ đăng ký tham gia tư vấn, tổ chức đấu giá cho tổ chức, cá nhân quyền khai thác tài sản công của Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Hóc Môn, cụ thể như sau:

**1. Thông tin về đơn vị có nhu cầu thuê tổ chức hành nghề đấu**

- Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Hóc Môn.
- Địa chỉ trụ sở chính: số 11 đường Lý Thường Kiệt, xã Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ trụ sở làm việc hiện nay tại: số 83 đường Quang Trung, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện: bà Nguyễn Thị Thùy Linh, chức vụ: Giám đốc.

**2. Thông tin về các hạng mục tài sản và giá khởi điểm để tổ chức cho các tổ chức, cá nhân đấu giá quyền khai thác tài sản công của Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Hóc Môn, như sau:**

| STT | Cơ sở                                                                     | Vị trí khai thác                                                                                            | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Làm tròn Giá trị quyền khai khác dịch vụ (đồng/năm) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------|
| 1   | <b>Nhà hát Hóc Môn (Số 180 đường Bà Triệu, xã Hóc Môn, TP.HCM)</b>        | Khu vực căn tin sân tập vị trí cổng sau                                                                     | 17                          | <b>108.000.000</b>                                  |
|     |                                                                           | Bãi giữ xe                                                                                                  | 50                          | <b>120.000.000</b>                                  |
|     |                                                                           | Khu vực trò chơi thiếu nhi (khu vực 1)                                                                      | 100                         | <b>72.000.000</b>                                   |
|     |                                                                           | Khu vực trò chơi thiếu nhi (khu vực 2)                                                                      | 216                         | <b>72.000.000</b>                                   |
|     |                                                                           | Phòng tập GYM                                                                                               | 105                         | <b>106.800.000</b>                                  |
|     |                                                                           | Phòng tập Thể dục thẩm mỹ                                                                                   | 137                         | <b>174.000.000</b>                                  |
|     |                                                                           | Khu vực căn tin bên trái sảnh                                                                               | 45                          | <b>120.000.000</b>                                  |
|     |                                                                           | Khu vực căn tin Khu triển lãm                                                                               | 170                         | <b>348.000.000</b>                                  |
| 2   | <b>Nhà Thiếu nhi Hóc Môn (số 16 đường Đỗ Văn Dậy, xã Hóc Môn, TP.HCM)</b> | Hồ bơi (cụm 03 hồ và hạ tầng đi kèm gồm: 01 hồ sâu 1,2 x 1,8 m; 01 hồ sâu 0,8 x 1,2 m; 01 hồ sâu 0,8 x 1 m) | 915                         | <b>241.800.000</b>                                  |

| STT | Cơ sở                                                              | Vị trí khai thác                                                              | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Làm tròn Giá trị quyền khai khác dịch vụ (đồng/năm) |
|-----|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------|
|     |                                                                    | Dịch vụ ăn uống                                                               | 103                         | 43.200.000                                          |
|     |                                                                    | Bãi giữ xe (tại vị trí ngoài trời và trong nhà ngay cổng phụ)                 | 452                         | 84.000.000                                          |
| 3   | Sân bóng đá Tân Xuân (số 108 đường Tân Xuân 6, xã Hóc Môn, TP.HCM) | Căn tin (mái hiên cổng chính của Sân)                                         | 16                          | 36.000.000                                          |
|     |                                                                    | Sân bóng đá 11 người                                                          | 6.654                       | 462.000.000                                         |
| 4   | Sân bóng đá Tân Hiệp (số 319 đường Lê Thị Lợ, xã Hóc Môn, TP.HCM)  | Bãi giữ xe (từ cổng phụ đi vào dọc đường biên ngoài sân bóng đá và tường rào) | 83                          | 60.000.000                                          |
|     |                                                                    | Căn tin (bên hông đường biên sân bóng dọc theo vách tường của sân)            | 16                          | 36.000.000                                          |
|     |                                                                    | Sân bóng đá 11 người                                                          | 7.782                       | 288.000.000                                         |
| 5   | Chợ Hóc Môn (số 01 đường Trưng Nữ Vương, Xã                        | Tấm pano tuyên truyền quảng cáo                                               | 78                          | 112.320.000                                         |

| STT       | Cơ sở                                           | Vị trí khai thác                       | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Làm tròn Giá trị quyền khai khác dịch vụ (đồng/năm) |
|-----------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------|
|           | Hóc Môn, TP.HCM)                                | tại chợ Hóc Môn (02 tấm – KT: 3mmx13m) |                             |                                                     |
| 6         | Cơ sở 1 (số 83 Quang Trung, xã Hóc Môn, TP.HCM) | Khu vực căn tin                        | 30                          | 60.000.000                                          |
|           |                                                 | Bãi giữ xe                             | 30                          | 12.000.000                                          |
|           |                                                 | Phòng tập Boxing                       | 100                         | 48.000.000                                          |
| TỔNG CỘNG |                                                 |                                        | 16.957                      | 2.604.120.000                                       |

**Thời hạn khai thác: 05 năm**

**Tổng giá khởi điểm khai thác dịch vụ trong 05 năm: 13.020.600.000 đồng**  
(Bằng chữ: Mười ba tỷ, không trăm hai mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng)

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức, đơn vị đấu giá tài sản: *theo Phụ lục đính kèm tại Thông báo này.*

4. Thời gian, địa điểm tiếp nhận hồ sơ:

- Thời hạn: các tổ chức, đơn vị đấu giá tài sản có đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định và có nhu cầu tham gia nộp hồ sơ trực tiếp trong vòng 03 ngày làm việc, trong giờ hành chính (kể từ ngày Thông báo này được ban hành và đăng công khai).

- Địa điểm: tại Phòng Kinh tế - Môi trường và Đô thị (thông qua ông Nguyễn Văn Quyền – Viên chức) thuộc Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Hóc Môn, trụ sở làm việc hiện nay tại số 83 đường Quang Trung, xã Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người đến nộp hồ sơ mang theo giấy giới thiệu của cơ quan, đơn vị và CCCD.

- Các hồ sơ nộp sau thời gian nêu trên sẽ không được xem xét, chỉ nhận hồ sơ nộp trực tiếp, người đến nộp hồ sơ phải có giấy giới thiệu của đơn vị đang công tác.

Thông báo này thay thế Thông báo số 116/TB-DVC ngày 30 tháng 7 năm 2026 của Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Hóc Môn về việc mời đơn vị tổ chức đấu giá cho tổ chức, cá nhân quyền khai thác tài sản công theo danh mục tài sản khai

thác đính kèm Quyết định số 1829/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Hóc Môn.

*Lưu ý: Thông báo này được đăng công khai trên trang web Cổng Đấu giá Tài sản Quốc Gia (Bộ Tư Pháp); Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã Hóc Môn không hoàn trả lại hồ sơ đối với những đơn vị không được lựa chọn. Mọi chi tiết xin liên hệ viên chức phụ trách thực hiện – ông Nguyễn Văn Quyền, số điện thoại 0961838371./.*

**Nơi nhận:**

- Ban Giám đốc Trung tâm;
- Đăng lên cổng Đấu giá tài sản BTP;
- Phòng KT-MT&ĐT;
- Lưu VT, (Quyền).

**GIÁM ĐỐC**



*[Signature]*

**Nguyễn Thị Thùy Linh**

**PHỤ LỤC**

(Đính kèm Thông báo số 47/TB-DVC ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Trung tâm  
Cung ứng dịch vụ công xã Hóc Môn)

**BẢNG TIÊU CHÍ****ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

(Kèm theo Thông tư số 19/2024/TT-BTP ngày 31 tháng 12 năm 2024  
của Bộ trưởng Bộ Tư pháp)

| TT         | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                   | MỨC TỐI ĐA                |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|
| <b>I</b>   | <b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>                                                                                                  |                           |
| 1.         | Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                             | <i>Đủ điều kiện</i>       |
| 2.         | Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố                                                                                                       | <i>Không đủ điều kiện</i> |
| <b>II</b>  | <b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>                                                                                      | <b>19,0</b>               |
| <b>1</b>   | <b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                             | <b>10,0</b>               |
| 1,1        | Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc.                                                                               | 5,0                       |
| 1,2        | Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện                                                                                                                       | 5,0                       |
| <b>2</b>   | <b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>                                                                                                                                   | <b>5,0</b>                |
| 2.1.       | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá tài sản khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá) | 2,0                       |
| 2.2        | Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)                                                                 | 3,0                       |
| <b>3.</b>  | <b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên.</b>                                                                | <b>2,0</b>                |
|            | <b>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp.</b>                                |                           |
| <b>4.</b>  | <b>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến.</b>                                   | <b>1,0</b>                |
| <b>5.</b>  | <b>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</b>                                                                                                                                                        | <b>1,0</b>                |
| <b>III</b> | <b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>                                                                                               | <b>16,0</b>               |
| <b>1.</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</b>                                                                         | <b>4,0</b>                |
| 1.1        | Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                        | 2,0                       |
| 1.2        | Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả                                                                                                                                                | 2,0                       |
| <b>2.</b>  | <b>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</b>                                    | <b>4,0</b>                |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | MỨC TỐI ĐA  |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 3.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>4,0</b>  |
| 3.1 | Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2,0         |
| 3.2 | Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 2,0         |
| 4.  | <b>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, dìm giá, bảo đảm an ninh trật tự của phiên đấu giá</b>                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>4,0</b>  |
| IV  | <b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | <b>57,0</b> |
| 1.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>15,0</b> |
| 1.1 | Dưới 20 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 12,0        |
| 1.2 | Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 13,0        |
| 1.3 | Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 14,0        |
| 1.4 | Từ 70 cuộc đấu giá trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 15,0        |
| 2.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>7,0</b>  |
| 2.1 | Dưới 10 cuộc đấu giá thành ( bao gồm cả trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4,0         |
| 2.2 | Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5,0         |
| 2.3 | Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 6,0         |
| 2.4 | Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 7,0         |
| 3.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan)<br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                       | <b>7,0</b>  |
| 3.1 | Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4,0         |
| 3.2 | Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5,0         |
| 3.3 | Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 6,0         |
| 3.4 | Từ 50 cuộc trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 7,0         |
| 4.  | <b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)<br>Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) được tính là 1 điểm. | <b>3,0</b>  |
| 4.1 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm.                                                                                                                                                                                                                                                              | 3,0         |

| TT  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | MỨC TỐI ĐA |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 4.2 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức:<br>$Số\ điểm\ của\ B = (U \times 3) / Y$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |            |
| 4.3 | Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của C = $(V \times 3) / Y$                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |            |
| 5.  | <b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật đấu giá tài sản có hiệu lực)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7,0        |
| 5.1 | Có thời gian hoạt động dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4,0        |
| 5.2 | Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5,0        |
| 5.3 | Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 6,0        |
| 5.4 | Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7,0        |
| 6.  | <b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4,0        |
| 6.1 | 01 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2,0        |
| 6.2 | Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3,0        |
| 6.3 | Từ 05 đấu giá viên trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4,0        |
| 7   | <b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm, dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân ( Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đấu giá tài sản)</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. | 4,0        |
| 7.1 | Dưới 05 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2,0        |
| 7.2 | Từ 05 năm đến dưới 10 năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3,0        |
| 7.3 | Từ 10 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4,0        |
| 8   | <b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5,0        |
| 8.1 | Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3,0        |
| 8.2 | Có từ 01 đến 03 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4,0        |
| 7.3 | Có từ 04 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5,0        |
| 9.  | <b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản trong năm trước liền kề, trừ thuế</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 5,0        |

| TT                  | NỘI DUNG                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | MỨC TỐI ĐA |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|                     | <i>giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</i><br>Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí. |            |
| 9.1                 | <i>Dưới 50 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3,0        |
| 9.2                 | <i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4,0        |
| 9.3                 | <i>Từ 100 triệu đồng trở lên</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5,0        |
| V                   | <b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                         | <b>8,0</b> |
| 1                   | <i>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2          |
| 2                   | <i>Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi thành phố Hồ Chí Minh.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 3          |
| 3                   | <i>Trong năm 2024, 2025 có số lượng đấu thành tài sản nhiều nhất, cung cấp tài liệu chứng minh.</i>                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3,0        |
| 3.1                 | <i>-Số lượng nhiều nhất</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3,0        |
| 3.2                 | <i>-Trường hợp còn lại</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 0          |
| <b>Tổng số điểm</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>100</b> |